UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
Số: 96 /TB - ĐHTDM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 23 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Khóa 23 năm 2023 của Trường Đại học Thủ Dầu Một

Thực hiện Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định số 741/QĐ-ĐHTDM ngày 21/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thủ Dầu Một và căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 đã xác định, Trường Đại học Thủ Dầu Một Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ thay thế cho Thông báo số 51/TB-ĐHTDM, ngày 13/06/2023 với nội dung thể như sau:

1. Các ngành tuyển sinh, dự kiến chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh[1]

- Ngành tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ: 10 ngành.
- Dự kiến 330 chỉ tiêu/10 ngành đào tạo thạc sĩ.
- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển; Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển (xem **Phụ lục 1**).

+ Xét điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học ở bậc đại học (theo thang điểm 10, nếu là thang điểm khác được quy đổi tương đương), áp dụng đối với thí sinh dự tuyển tất cả các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

+ Thi vấn đáp (phỏng vấn năng lực) đối với môn chuyên ngành. Thời gian tối đa cho 1 thí sinh là 25 phút.

2. Đối tượng dự tuyển, hình thức và thời gian đào tạo

- Đối tượng dự tuyển: Công dân Việt Nam; Công dân nước ngoài.
- Hình thức đào tạo: Chính quy.
- Thời gian đào tạo: 02 năm.
- Thời gian học: Vào các ngày thứ 7 và chủ nhật.
- Hình thức học: Trực tiếp kết hợp trực tuyến.

3. Điều kiện dự tuyển

3.1. Đối với ứng viên dự tuyển là công dân Việt Nam

Ứng viên dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân Việt Nam, có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có đủ các điều kiện về văn bằng đối với chuyên ngành đào tạo (xem **Phụ lục 2**).

---

[1] **Ghi chú:** Đối với điều kiện bình thường Nhà trường tổ chức thi trực tiếp, trong điều kiện dịch bệnh và tình huống bất khả kháng khác Nhà trường tổ chức thi trực tuyến.

Ứng viên đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp[2]. Đối với ngành cần học bổ sung kiến thức, ứng viên hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức trước khi xét tuyển.

3.2. Đối với ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài

Có đủ các điều kiện về văn bằng đối với chuyên ngành đào tạo (xem Phụ lục 2). Các ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài đăng ký theo học chương trình thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt Bậc 4 trở lên theo khung năng lực tiếng Việt được quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực tiếng Việt dùng cho công dân nước ngoài.

Việc xác định chuyên ngành đối với thí sinh là công dân nước ngoài sẽ đối chiếu các môn học có tên gọi giống hoặc tương đương để xác định chuyên ngành hoặc chuyên môn chuyển đổi.

3.3. Điều kiện sức khỏe

- Có đủ sức khỏe học tập.
- Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo quy định thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học.

3.4. Điều kiện miễn thi ngoại ngữ

- Ứng viên đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ngôn ngữ nước ngoài áp dụng tại nội dung này là tiếng Anh tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật và tiếng Nga. Cụ thể, ứng viên phải thỏa mãn một trong các điều kiện về ngoại ngữ dưới đây:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình học có hơn ½ số tín chỉ được giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Thủ Dầu Một cấp mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định[3] (xem **Phụ lục 3**) ban hành kèm theo thông báo này và còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

- Ứng viên chưa có đủ điều kiện để miễn thi ngoại ngữ thì thực hiện thi môn ngoại ngữ ở trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường tổ chức trong đợt tuyển sinh. Môn ngoại ngữ thi bốn kỹ năng nghe, nói, đọc,

---

[2]- Hội đồng tuyển sinh chấp nhận sử dụng giấy chứng nhận tốt nghiệp trình độ đại học tạm thời khi chưa được cấp bằng tốt nghiệp đại học. Nếu trúng tuyển, người dự tuyển phải nộp bản sao văn bằng có chứng thực.

- Các văn bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch chứng thực sang tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và đào tạo. Trường Đại học Thủ Dầu Một sẽ tiến hành thẩm định tính xác thực của văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ.

[3]- Ứng viên phải nộp minh chứng ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3/6 trở lên theo quy định của Nhà trường để làm căn cứ xác định ngôn ngữ ngoại ngữ đầu ra.

viết. Trong đó: Nghe, đọc, viết thời gian thi là 135 phút; Nói: Hình thức thi vấn đáp, thời gian tối đa 9 phút/ứng viên. Ứng viên được phúc khảo đối với phần thi các kỹ năng nghe, đọc, viết. Không phúc khảo đối với phần thi kỹ năng nói. Ứng viên phải đạt 50/100 môn ngoại ngữ (các phần thi nghe, nói, đọc và viết không dưới 30% thang điểm).

- Riêng ngành Ngôn ngữ Anh, ngoại ngữ ứng viên đăng ký dự tuyển đầu vào là ngôn ngữ khác ngôn ngữ Anh (xem **Phụ lục 3**).

- Hồ sơ dự thi tuyển sinh (xem **Phụ lục 4**).

4. Nhận hồ sơ và thời gian xét tuyển

- Thời gian nhận hồ sơ và kế hoạch chi tiết xét/thi tuyển (xem **Phụ lục 5**).

- Ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển qua đường bưu điện, hoặc trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 06 đường Trần Văn Ơn, Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương. Điện thoại: (0274) 3835.677 – (0274) 3 844 340 – (0274) 3844 341.

- Ứng viên căn cứ vào các điều kiện quy định ở trên, có nhu cầu đăng ký nộp hồ sơ dự tuyển, khi trúng tuyển không được đổi chuyên ngành đào tạo.

5. Lệ phí tuyển sinh và học phí[4]

5.1. Học phí bổ sung kiến thức và ôn tập

- Học phí bổ sung kiến thức: 1.875.000 đồng/học phần.

- Học phí ôn thi môn chuyên ngành: 1.250.000 đồng.

5.2. Lệ phí tuyển sinh

- Hồ sơ tuyển sinh: 100.000 đồng/hồ sơ.

- Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: 400.000 đồng/hồ sơ (xét điểm tích lũy bậc đại học và phỏng vấn năng lực chuyên môn)

- Hình thức nộp: Chuyển khoản vào tài khoản: Đơn vị thụ hưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một - Số tài khoản: **65010000465078** tại ngân hàng BIDV, Chi nhánh Bình Dương. Nội dung và cú pháp nộp tiền (**Phụ lục 6**).

- Ứng viên đóng tiền qua ngân hàng hoặc Kho bạc, giữ lại giấy nộp tiền do Ngân hàng hoặc Kho bạc cung cấp để làm minh chứng cho các thủ tục sau này.

***5.3.* Ôn và thi ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu vào**

- Tổng chi phí: 1.800.000 đồng, gồm:

+ Học phí ôn tập: 1.600.000 đồng

+ Lệ phí thi: 200.000 đồng

- Hướng dẫn đăng ký và cách thức nộp học phí ôn tập, lệ phí thi (xem **Phụ lục 7**).

- Thời gian và hình thức ôn tập: (xem **Phụ lục 7**).

- Thời gian thi ngoại ngữ đầu vào: Cả ngày 12/11/2023 (Chủ nhật).

---

[4] Nhà trường không hoàn trả học phí bổ sung kiến thức, ôn thi và lệ phí tuyển sinh sau khi ứng viên đã đóng tiền theo quy định.

* Lưu ý: Thí sinh chỉ đăng ký dự thi mà không tham gia lớp ôn tập nộp lệ phí thi 200.000 đồng.

5.4. Học phí

Chi tiết học phí hệ đào tạo Sau đại học các ngành (xem **Phụ lục 8**).

6. Điều kiện xét trúng tuyển

- Ứng viên thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt tối thiểu 50% của thang điểm đối với môn chuyên ngành (môn phỏng vấn năng lực) và đạt điều kiện về ngoại ngữ.

- Nguyên tắc xét tuyển: Lấy tổng điểm của môn thi vấn đáp chuyên ngành và điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học ở bậc đại học, điểm ưu tiên (nếu có) từ cao xuống đến khi hết chỉ tiêu. Trường xây dựng điểm chuẩn trúng tuyển cho từng ngành xét tuyển dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh đã xác định và số lượng ứng viên nộp hồ sơ xét tuyển vào Trường.

- Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu nhưng số ứng viên cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại thực hiện xét tuyển theo tiêu chí phụ, thứ tự như sau: (1) Ứng viên có công trình/sản phẩm nghiên cứu khoa học; (2) Ứng viên có điểm phỏng vấn chuyên môn cao hơn; (3) Ứng viên có thâm niên công tác nhiều năm hơn.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Trường;
- Các Cơ quan, Ban, Ngành;
- Các đơn vị trong Trường;
- Website Trường, Viện ĐTSĐH;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

TS. Nguyễn Quốc Cường

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 1

NGÀNH TUYỂN SINH, DỰ KIẾN CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Thông báo số 96 /TB-ĐHTDM ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	Chuyên ngành	Mã ngành	Dự kiến chỉ tiêu 330	Tổ hợp		Ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật)
				Xét hồ sơ và bảng điểm tích lũy trung bình bậc đại học	Thi vấn đáp (phỏng vấn) môn chuyên ngành	
01	**Lịch sử Việt Nam**	8 22 90 13	30	X	Phương pháp luận sử học	- Trường tổ chức đánh giá năng lực Ngôn ngữ Anh và Ngôn ngữ Trung Quốc cho ứng viên chưa đủ điều kiện. - Thời gian thi 135 phút đối với nghe, đọc, viết và vấn đáp tối đa 9 phút đối với kỹ năng nói. - Riêng ngành Ngôn ngữ Anh, Nhà trường tổ chức thi đầu vào là Ngôn ngữ Trung Quốc.
02	**Văn học Việt Nam**	8 22 01 21	25	X	Lý luận văn học	
03	**Kế toán**	8 34 03 01	35	X	Nguyên lý kế toán	
04	**Quản trị kinh doanh**	8 34 01 01	40	X	Quản trị học	
05	**Ngôn ngữ Anh**	8 22 02 01	30	X	Linguistics (Kiến thức tổng hợp thuộc các lĩnh vực Semantics, Syntax, Morphology, Phonetics and Phonology).	
06	**Công tác xã hội**	8 76 01 01	30	X	Nhập môn công tác xã hội	
07	**Khoa học môi trường**	8 44 03 01	30	X	Cơ sở khoa học môi trường	
08	**Hệ thống thông tin**	8 48 01 04	40	X	Cơ sở tin học	
09	**Tài chính - Ngân hàng**	8 34 02 01	30	X	Lý thuyết tài chính tiền tệ	
10	**Luật kinh tế**	8 38 01 07	40	X	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 2
NGÀNH PHÙ HỢP VỚI CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ VÀ HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC[5]
(Đính kèm Thông báo số 96 /TB-ĐHTDM ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Thạc sĩ ngành Lịch sử Việt Nam

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
Lịch sử Việt Nam; Sư phạm Lịch sử; Lịch sử Thế giới; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Sử - Chính trị; Khảo cổ học; Lưu trữ học; Bảo tàng học và Di sản. Lịch sử; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Ngôn ngữ học; Văn học; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Gia đình học.	**Nhóm 1:** - Nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam gồm: Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Hán Nôm; Ngôn ngữ Jrai; Ngôn ngữ Khmer; Ngôn ngữ H'mong; Ngôn ngữ Chăm; Sáng tác văn học; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam. - Nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài gồm: Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Đức; Ngôn ngữ Tây Ban Nha; Ngôn ngữ Bồ Đào Nha; Ngôn ngữ Italia; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ Hàn Quốc; Ngôn ngữ Ả rập. Và những chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên. **Nhóm 2:** Các chuyên ngành: Báo chí; Thư viện; Giáo dục học; Châu Á học; Quốc tế học; Quan hệ quốc tế; và những chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên.	**Nhóm 1:** 1. Phương pháp luận sử học. 2. Đại cương lịch sử Thế giới. 3. Đại cương lịch sử Việt Nam. 4. Việt Nam trong tiến trình lịch sử thế giới. **Nhóm 2:** 1. Phương pháp luận sử học. 2. Đại cương lịch sử Thế giới. 3. Đại cương lịch sử Việt Nam. 4. Việt Nam trong tiến trình lịch sử thế giới. 5. Quá trình đổi mới ở Việt Nam. 6. Truyền thống dựng nước và giữ nước trong lịch sử Việt Nam.

2. Thạc sĩ ngành Hệ thống thông tin

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
Khoa học máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin;	**Nhóm 1:** Các chuyên ngành: Tin học; Sư phạm Tin; Hệ thống thông tin trong quản lý; Hệ thống thông tin kinh tế;	**Nhóm 1:** 1. Cơ sở tin học. 2. Kỹ thuật lập trình. 3. Cấu trúc dữ liệu.

[5] Theo Quyết định số 378/QĐ-ĐHTDM ngày 22/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
Kỹ thuật máy tính; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin.	Toán ứng dụng; Toán – Tin. Và những chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên. **Nhóm 2:** Các chuyên ngành: Kỹ thuật Cơ điện tử; Kỹ thuật y sinh; Vật lý; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện tử - truyền thông; và chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên.	4. Một số thuật toán thông minh nhân tạo. **Nhóm 2:** 1. Cơ sở tin học. 2. Kỹ thuật lập trình. 3. Cấu trúc dữ liệu. 4. Một số thuật toán thông minh nhân tạo. 5. Toán rời rạc. 6. Phân tích trực quan dữ liệu.

3. Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may.	**Nhóm 1:** Những chuyên ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và quản lý gồm: Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án. Và những chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên. **Nhóm 2:** - Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên gồm những chuyên ngành: Giáo dục học; Công nghệ giáo dục; Quản lý giáo dục; Giáo dục Mầm non; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Đặc biệt; Giáo dục Công dân; Giáo dục Chính trị; Giáo dục Thể chất; Huấn luyện thể thao; Giáo dục Quốc phòng – An ninh; Sư phạm Toán học; Sư phạm tin học; Sư phạm Vật lý; Sư phạm Hóa học; Sư phạm Sinh học; Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp; Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp; Sư phạm Ngữ văn; Lịch sử; Sư phạm Địa lý; Sư phạm Âm nhạc; Sư phạm Mỹ thuật; Sư phạm Tiếng Bana; Sư phạm Tiếng Êđê; Sư phạm Tiếng Jrai; Sư phạm	**Nhóm 2:** 1. Quản trị tài chính. 2. Marketing căn bản. 3. Quản trị chất lượng. 4. Quản trị học. **Nhóm 2:** 1. Quản trị tài chính. 2. Marketing căn bản. 3. Quản trị chất lượng. 4. Quản trị học. 5. Kinh tế vi mô. 6. Kinh tế vĩ mô.

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	Tiếng Khmer; Sư phạm Tiếng H'mong; Sư phạm Tiếng Chăm; Sư phạm Tiếng M'nông; Sư phạm Tiếng Xêđăng; Sư phạm Tiếng Anh; Sư phạm Tiếng Nga; Sư phạm Tiếng Pháp; Sư phạm Tiếng Trung Quốc; Sư phạm Tiếng Đức; Sư phạm Tiếng Nhật; Sư phạm Tiếng Hàn Quốc; Sư phạm nghệ thuật; Sư phạm công nghệ; Sư phạm Khoa học tự nhiên; Giáo dục pháp luật; Sư phạm Lịch sử - Địa lý. - Lĩnh vực nhân văn gồm các chuyên ngành: Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Hán Nôm; Ngôn ngữ Jrai; Ngôn ngữ Khmer; Ngôn ngữ H'mong; Ngôn ngữ Chăm; Sáng tác văn học; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Đức; Ngôn ngữ Tây Ban Nha; Ngôn ngữ Bồ Đào Nha; Ngôn ngữ Italia; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ Hàn Quốc; Ngôn ngữ Ảrập; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Lịch sử; Ngôn ngữ học; Văn học; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Gia đình học. - Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi gồm các chuyên ngành: Kinh tế; Kinh tế Chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế số; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Quan hệ quốc tế; Xã hội học; Nhân học; Tâm lý học; Tâm lý giáo dục; Địa lý học; Quốc tế học; Châu Á học; Thái Bình Dương học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Đông Nam Á học, Việt Nam học. - Lĩnh vực báo chí và thông tin gồm các chuyên ngành: Báo chí; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Công nghệ truyền thông; Truyền thông quốc tế; Quan hệ công chúng; Thông tin – Thư viện;	

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	Quản lý thông tin; Lưu trữ học; Bảo tàng học; Xuất bản; Kinh doanh xuất bản phẩm. - Lĩnh vực Pháp luật bao gồm các chuyên ngành: Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật dân sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế. - Lĩnh vực Khoa học sự sống gồm các chuyên ngành: Sinh học; Công nghệ sinh học; Kỹ thuật sinh học; Sinh học ứng dụng. - Lĩnh vực Khoa học tự nhiên gồm các chuyên ngành: Thiên văn học; Vật lý học; Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Cơ học; Hóa học; Khoa học vật liệu; Địa chất học; Bản đồ học; Địa lý tự nhiên; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Khoa học môi trường. - Lĩnh vực toán và thống kê gồm các chuyên ngành: Toán học; Khoa học tính toán; Khoa học dữ liệu; Toán ứng dụng; Toán cơ; Toán tin; Thống kê. - Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin gồm các chuyên ngành: Khoa học máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin. - Lĩnh vực công nghệ kỹ thuật gồm các chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật kiến trúc; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ chế tạo máy; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật nhiệt; Công nghệ kỹ thuật tàu thủy; Bảo dưỡng công nghiệp; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ	

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Công nghệ vật liệu; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật hạt nhân; Quản lý công nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Công nghệ dầu khí và khai thác dầu; Công nghệ kỹ thuật in. - Lĩnh vực Kỹ thuật gồm các chuyên ngành: Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật nhiệt; Kỹ thuật cơ khí động lực; Kỹ thuật công nghiệp; Kỹ thuật hệ thống công nghiệp; Kỹ thuật hàng không; Kỹ thuật không gian; Kỹ thuật tàu thủy; Kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật in; Kỹ thuật hàng hải; Kỹ thuật điện; Kỹ thuật rađa – dẫn đường; Kỹ thuật thủy âm; Kỹ thuật biển; Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật vật liệu kim loại; Kỹ thuật dệt; Kỹ thuật môi trường; Vật lý kỹ thuật; Kỹ thuật hạt nhân; Kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật vật lý; Kỹ thuật trắc địa – bản đồ; Kỹ thuật mỏ; Kỹ thuật thăm dò và khảo sát; Kỹ thuật dầu khí; Kỹ thuật tuyển khoáng. - Lĩnh vực sản xuất và chế biến gồm các chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật thực phẩm; Công nghệ sau thu hoạch; Bảo quản chế biến nông sản; Công nghệ chế biến thủy sản; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; Công nghệ sợi, dệt; Công nghệ vật liệu dệt, may; Công nghệ dệt, may; Công nghệ da giày; Công nghệ chế biến lâm sản. - Lĩnh vực Kiến trúc và quy hoạch gồm các chuyên ngành: Kiến trúc; Kiến trúc cảnh quan; Kiến trúc nội thất; Kiến trúc đô thị; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Thiết kế nội thất; Thiết kế nội thất; Bảo tồn di sản kiến trúc - Đô thị; Đô thị học; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật	

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Địa kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp thoát nước; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng. - Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản gồm các chuyên ngành: Nông nghiệp, khuyến nông; Khoa học đất; Chăn nuôi; Nông học; Khoa học cây trồng; Bảo vệ thực vật; Công nghệ rau quả và cảnh quan; Kinh doanh nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn; Lâm học; Lâm nghiệp đô thị; Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng; Nuôi trồng thủy sản; Bệnh học thủy sản; Khoa học thủy sản; Khai thác thủy sản; Quản lý thủy sản. - Lĩnh vực Thú y gồm chuyên ngành Thú y. - Lĩnh vực Sức khỏe gồm: Y khoa; Y học dự phòng; Y học cổ truyền; Dược học; Hóa dược; Điều dưỡng; Hộ sinh; Dinh dưỡng; Răng – Hàm – Mặt; Kỹ thuật phục hình răng; Kỹ thuật xét nghiệm y học; Kỹ thuật hình ảnh y học; Kỹ thuật Phục hồi chức năng; Y tế công cộng; Tổ chức và quản lý y tế; Quản lý bệnh viện; Y sinh học thể dục thể thao. - Lĩnh vực Dịch vụ xã hội gồm các chuyên ngành: Công tác xã hội; Công tác thanh thiếu niên; Hỗ trợ giáo dục và người khuyết tật. - Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân gồm các chuyên ngành: Du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Quản lý thể dục thể thao; Huấn luyện thể thao; Kinh tế gia đình. - Lĩnh vực Dịch vụ vận tải gồm các chuyên ngành: Khai thác vận tải; Quản lý hoạt động bay; Kinh tế vận tải; Khoa học hàng hải.	

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	- Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường gồm các chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý đất đai; Bảo hộ lao động. Và chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên.	

4. Thạc sĩ ngành Công tác xã hội

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
Công tác xã hội; Công tác thanh thiếu niên; Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.	**Nhóm 1:** - Những chuyên ngành thuộc lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên gồm: Giáo dục học; Công nghệ giáo dục; Quản lý giáo dục; Giáo dục Mầm non; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Đặc biệt; Giáo dục Công dân; Giáo dục Chính trị; Giáo dục Thể chất; Huấn luyện thể thao; Giáo dục Quốc phòng – An Ninh; Sư phạm Toán học; Sư phạm Tin học; Sư phạm Vật lý; Sư phạm Hóa học; Sư phạm Sinh học; Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp; Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp; Sư phạm Ngữ văn; Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Địa lý; Sư phạm Âm nhạc; Sư phạm Mỹ thuật; Sư phạm Tiếng Bana; Sư phạm Tiếng Êđê; Sư phạm Tiếng Jrai; Sư phạm Tiếng Khmer; Sư phạm Tiếng H'mong; Sư phạm Tiếng Chăm; Sư phạm Tiếng M'nông; Sư phạm Tiếng Xê-đăng; Sư phạm Tiếng Anh; Sư phạm Tiếng Nga; Sư phạm Tiếng Pháp; Sư phạm Tiếng Trung Quốc; Sư phạm Tiếng Đức; Sư phạm Tiếng Nhật; Sư phạm Tiếng Hàn Quốc; Sư phạm nghệ thuật; Sư phạm công nghệ; Sư phạm Khoa học tự nhiên; Giáo dục pháp luật; Sư phạm Lịch sử - Địa lý. - Các chuyên ngành: Xã hội học; Nhân học; Tâm lý học; Tâm lý học giáo dục. Và những chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên.	**Nhóm 1:** 1. Nhập môn Công tác xã hội. 2. Công tác xã hội cá nhân. 3. Công tác xã hội nhóm. 4. Tổ chức Phát triển cộng đồng. **Nhóm 2:** 1. Nhập môn Công tác xã hội. 2. Công tác xã hội cá nhân. 3. Công tác xã hội nhóm. 4. Tổ chức Phát triển cộng đồng. 5. Hành vi con người và môi trường. 6. Lý thuyết công tác xã hội.

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	Nhóm 2: - Lĩnh vực Nhân văn gồm các chuyên ngành: Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Hán Nôm; Ngôn ngữ Jrai; Ngôn ngữ Khmer; Ngôn ngữ H'mong; Ngôn ngữ Chăm; Sáng tác văn học; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam. - Lĩnh vực Khoa học và hội và hành vi gồm các chuyên ngành: Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế số; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Quan hệ quốc tế; Địa lý học; Quốc tế học; Châu Á học; Thái Bình Dương học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Đông Nam Á học; Việt Nam học. - Lĩnh vực Báo chí và thông tin gồm các chuyên ngành: Báo chí; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Công nghệ truyền thông; Truyền thông quốc tế; Quan hệ công chúng; Thông tin - Thư viện; Quản lý thông tin; Lưu trữ học; Bảo tàng học; Xuất bản; Kinh doanh xuất bản phẩm. - Lĩnh vực Kinh doanh gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án. - Lĩnh vực Pháp luật gồm các chuyên ngành: Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế.	

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	- Lĩnh vực sức khỏe gồm các chuyên ngành: Y khoa; Y học dự phòng; Y học cổ truyền; Điều dưỡng; Hộ sinh; Dinh dưỡng; Y tế công cộng; Tổ chức và Quản lý y tế; Quản lý bệnh viện. Và những chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên.	

5. Thạc sĩ ngành Khoa học Môi trường

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
Khoa học Môi trường	**Nhóm 1:** - Nhóm khoa học vật chất gồm: Thiên văn học; Vật lý học; Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Cơ học; Hóa học; Khoa học vật liệu. - Nhóm Khoa học trái đất gồm: Địa chất học; Bản đồ học; Địa lý tự nhiên; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học. - Nhóm ngành Quản lý tài nguyên và môi trường gồm: Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai. - Các chuyên ngành: Kỹ thuật môi trường; Quản lý môi trường; Công nghệ sinh học. Và những chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên. **Nhóm 2:** Các chuyên ngành: Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Công nghệ Hoá học; Sinh học; Công nghệ thực phẩm ; Kỹ thuật; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật sinh học; Sinh học ứng dụng; Vật lý học; Khoa học vật liệu; Công nghệ kỹ thuật hoá học; Công nghệ vật liệu; Công nghệ kỹ thuật hạt nhân; Kỹ thuật hóa học; Cơ khí; Cơ điện tử; Kỹ thuật biển; Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật thực phẩm; Công nghệ sau thu hoạch; Công nghệ chế biến thuỷ sản; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; Quy hoạch vùng và đô thị;	**Nhóm 1:** 1. Quản lý môi trường. 2. Đại cương Công nghệ môi trường. 3. Cơ sở khoa học môi trường. 4. Luật và chính sách môi trường. **Nhóm 2:** 1. Quản lý môi trường. 2. Đại cương Công nghệ môi trường. 3. Cơ sở khoa học môi trường. 4. Luật và chính sách môi trường. 5. Biến đổi khí hậu. 6. Đánh giá tác động môi trường.

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	Quản lý đô thị và công trình; Bảo tồn di sản kiến trúc - đô thị; Đô thị học; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp thoát nước; Nuôi trồng thuỷ sản; Bệnh học thủy sản; Khoa học thủy sản; Khai thác thuỷ sản; Quản lý thủy sản; Bảo hộ lao động; và những chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên.	

6. Thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Hán Nôm; Ngôn ngữ Jrai; Ngôn ngữ Khmer; Ngôn ngữ H'mong; Ngôn ngữ Chăm; Sáng tác văn học; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam; Sư phạm Ngữ văn; Văn học; Ngôn ngữ học.	**Nhóm 1:** - Nhóm ngành Ngôn ngữ; văn học và văn hóa nước ngoài gồm: Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Đức; Ngôn ngữ Tây Ban Nha; Ngôn ngữ Bồ Đào Nha; Ngôn ngữ Italia; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ Hàn Quốc; Ngôn ngữ Ảrập. - Các chuyên ngành: Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Lịch sử; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Gia đình học. Và những chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên. **Nhóm 2:** Các chuyên ngành: Việt Nam học; Du lịch; Nhân học; Đông phương học; Đông Nam Á học; Châu Á học; và những chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên.	**Nhóm 1:** 1. Lý luận Văn học. 2. Văn học Việt Nam trung đại. 3. Văn học Việt Nam hiện đại 1. 4. Văn học Việt Nam hiện đại 2. **Nhóm 2:** 1. Lý luận Văn học. 2. Văn học Việt Nam trung đại. 3. Văn học Việt Nam hiện đại 1. 4. Văn học Việt Nam hiện đại 2. 5. Văn học dân gian Việt Nam. 6. Văn học và các loại hình nghệ thuật.

7. Thạc sĩ ngành Kế toán

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
Kế toán; Kiểm toán	**Nhóm 1:** Những chuyên ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và quản lý gồm: Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Tài chính	**Nhóm 1:** 1. Nguyên lý kế toán. 2. Kế toán quản trị. 3. Kế toán chi phí. 4. Lý thuyết kiểm toán. **Nhóm 2:**

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	– Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án. Và những chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên. **Nhóm 2:** - Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên gồm những chuyên ngành: Giáo dục học; Công nghệ giáo dục; Quản lý giáo dục; Giáo dục Mầm non; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Đặc biệt; Giáo dục Công dân; Giáo dục Chính trị; Giáo dục Thể chất; Huấn luyện thể thao; Giáo dục Quốc phòng – An ninh; Sư phạm Toán học; Sư phạm tin học; Sư phạm Vật lý; Sư phạm Hóa học; Sư phạm Sinh học; Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp; Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp; Sư phạm Ngữ văn; Lịch sử; Sư phạm Địa lý; Sư phạm Âm nhạc; Sư phạm Mỹ thuật; Sư phạm Tiếng Bana; Sư phạm Tiếng Êđê; Sư phạm Tiếng Jrai; Sư phạm Tiếng Khmer; Sư phạm Tiếng H'mong; Sư phạm Tiếng Chăm; Sư phạm Tiếng M'nông; Sư phạm Tiếng Xêđăng; Sư phạm Tiếng Anh; Sư phạm Tiếng Nga; Sư phạm Tiếng Pháp; Sư phạm Tiếng Trung Quốc; Sư phạm Tiếng Đức; Sư phạm Tiếng Nhật; Sư phạm Tiếng Hàn Quốc; Sư phạm nghệ thuật; Sư phạm công nghệ; Sư phạm Khoa học tự nhiên; Giáo dục pháp luật; Sư phạm Lịch sử - Địa lý. - Lĩnh vực nhân văn gồm các chuyên ngành: Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Hán Nôm; Ngôn ngữ Jrai; Ngôn ngữ Khmer; Ngôn ngữ H'mong; Ngôn ngữ Chăm; Sáng tác văn học; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Đức; Ngôn ngữ Tây Ban Nha; Ngôn ngữ Bồ Đào Nha; Ngôn ngữ Italia; Ngôn ngữ Nhật;	1. Nguyên lý kế toán. 2. Kế toán quản trị. 3. Kế toán chi phí. 4. Lý thuyết kiểm toán. 5. Kế toán hành chính sự nghiệp. 6. Kế toán quốc tế.

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	Ngôn ngữ Hàn Quốc; Ngôn ngữ Ảrập; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Lịch sử; Ngôn ngữ học; Văn học; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Gia đình học. - Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi gồm các chuyên ngành: Kinh tế; Kinh tế Chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế số; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Quan hệ quốc tế; Xã hội học; Nhân học; Tâm lý học; Tâm lý giáo dục; Địa lý học; Quốc tế học; Châu Á học; Thái Bình Dương học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Đông Nam Á học, Việt Nam học. - Lĩnh vực báo chí và thông tin gồm các chuyên ngành: Báo chí; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Công nghệ truyền thông; Truyền thông quốc tế; Quan hệ công chúng; Thông tin – Thư viện; Quản lý thông tin; Lưu trữ học; Bảo tàng học; Xuất bản; Kinh doanh xuất bản phẩm. - Lĩnh vực Pháp luật bao gồm các chuyên ngành: Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật dân sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế. - Lĩnh vực Khoa học sự sống gồm các chuyên ngành: Sinh học; Công nghệ sinh học; Kỹ thuật sinh học; Sinh học ứng dụng. - Lĩnh vực Khoa học tự nhiên gồm các chuyên ngành: Thiên văn học; Vật lý học; Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Cơ học; Hóa học; Khoa học vật liệu; Địa chất học; Bản đồ học; Địa lý tự nhiên; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Khoa học môi trường. - Lĩnh vực toán và thống kê gồm	

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	các chuyên ngành: Toán học; Khoa học tính toán; Khoa học dữ liệu; Toán ứng dụng; Toán cơ; Toán tin; Thống kê. - Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin gồm các chuyên ngành: Khoa học máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin. - Lĩnh vực công nghệ kỹ thuật gồm các chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật kiến trúc; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ chế tạo máy; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật nhiệt; Công nghệ kỹ thuật tàu thủy; Bảo dưỡng công nghiệp; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Công nghệ vật liệu; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật hạt nhân; Quản lý công nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Công nghệ dầu khí và khai thác dầu; Công nghệ kỹ thuật in. - Lĩnh vực Kỹ thuật gồm các chuyên ngành: Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật nhiệt; Kỹ thuật cơ khí động lực; Kỹ thuật công nghiệp; Kỹ thuật hệ thống công nghiệp; Kỹ thuật hàng không; Kỹ thuật không gian; Kỹ thuật tàu thủy; Kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật in; Kỹ thuật hàng hải; Kỹ thuật điện; Kỹ thuật rađa – dẫn đường; Kỹ thuật thủy âm; Kỹ thuật biển; Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật vật	

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	liệu kim loại; Kỹ thuật dệt; Kỹ thuật môi trường; Vật lý kỹ thuật; Kỹ thuật hạt nhân; Kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật vật lý; Kỹ thuật trắc địa – bản đồ; Kỹ thuật mỏ; Kỹ thuật thăm dò và khảo sát; Kỹ thuật dầu khí; Kỹ thuật tuyển khoáng. - Lĩnh vực sản xuất và chế biến gồm các chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật thực phẩm; Công nghệ sau thu hoạch; Công nghệ chế biến thủy sản; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; Công nghệ sợi, dệt; Công nghệ vật liệu dệt, may; Công nghệ dệt, may; Công nghệ da giày; Công nghệ chế biến lâm sản. - Lĩnh vực Kiến trúc và quy hoạch gồm các chuyên ngành: Kiến trúc; Kiến trúc cảnh quan; Kiến trúc nội thất; Kiến trúc đô thị; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Thiết kế nội thất; Thiết kế nội thất; Bảo tồn di sản kiến trúc - Đô thị; Đô thị học; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Địa kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp thoát nước; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng. - Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản gồm các chuyên ngành: Nông nghiệp, khuyến nông; Khoa học đất; Chăn nuôi; Nông học; Khoa học cây trồng; Bảo vệ thực vật; Công nghệ rau quả và cảnh quan; Kinh doanh nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn; Lâm học; Lâm nghiệp đô thị; Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng; Nuôi trồng thủy sản; Bệnh học thủy sản; Khoa học thủy sản; Khai thác thủy sản; Quản lý thủy sản. - Lĩnh vực Thú y gồm chuyên ngành Thú y. - Lĩnh vực Sức khỏe gồm: Y khoa;	

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	Y học dự phòng; Y học cổ truyền; Dược học; Hóa dược; Điều dưỡng; Hộ sinh; Dinh dưỡng; Răng – Hàm – Mặt; Kỹ thuật phục hình răng; Kỹ thuật xét nghiệm y học; Kỹ thuật hình ảnh y học; Kỹ thuật Phục hồi chức năng; Y tế công cộng; Tổ chức và quản lý y tế; Quản lý bệnh viện; Y sinh học thể dục thể thao. - Lĩnh vực Dịch vụ xã hội gồm các chuyên ngành: Công tác xã hội; Công tác thanh thiếu niên; Hỗ trợ giáo dục và người khuyết tật. - Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân gồm các chuyên ngành: Du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Quản lý thể dục thể thao; Huấn luyện thể thao; Kinh tế gia đình. - Lĩnh vực Dịch vụ vận tải gồm các chuyên ngành: Khai thác vận tải; Quản lý hoạt động bay; Kinh tế vận tải; Khoa học hàng hải. - Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường gồm các chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý đất đai; Bảo hộ lao động. Và chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên.	

8. Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
Ứng viên tốt nghiệp đại học các ngành: Ngôn ngữ Anh, Ngữ văn Anh, Sư phạm tiếng Anh.	**Nhóm 1:** Ứng viên tốt nghiệp ngành đào tạo trình độ đại học khác (trong và ngoài nước) được thực hiện toàn phần bằng tiếng Anh: Không yêu cầu về chứng chỉ đầu vào tiếng Anh. **Nhóm 2:** Ứng viên tốt nghiệp tất cả các ngành đào tạo trình độ đại học còn lại	1. Semantics 2. Syntax 3. Morphology 4.Phonetics and phonology 5. Academic reading and writing 6. Listening and speaking strategies (Dùng chung cho cả ứng viên nhóm 1 và 2 tốt nghiệp ngành đào tạo trình độ đại học

	phải có điểm IELTS đạt từ 7.0 trở lên (hoặc các chứng chỉ khác có giá trị tương tương và được Bộ GD&ĐT công nhận). Chứng chỉ được cấp không quá 24 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.	phù hợp phải học bổ sung kiến thức)

9. Thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
Tài chính – Ngân hàng; Bảo. hiểm; Công nghệ tài chính; Tài chính quốc tế.	**Nhóm 1:** - Những chuyên ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và quản lý gồm: Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án; - Nhóm ngành Quản lý công nghiệp gồm: Quản lý công nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Và những chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên. **Nhóm 2:** - Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên gồm những chuyên ngành: Giáo dục học; Công nghệ giáo dục; Quản lý giáo dục; Giáo dục Mầm non; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Đặc biệt; Giáo dục Công dân; Giáo dục Chính trị; Giáo dục Thể chất; Huấn luyện thể thao; Giáo dục Quốc phòng – An ninh; Sư phạm Toán học; Sư phạm tin học; Sư phạm Vật lý; Sư phạm Hóa học; Sư phạm Sinh học; Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp; Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp; Sư phạm Ngữ văn; Lịch sử; Sư phạm Địa lý; Sư phạm Âm nhạc; Sư phạm Mỹ thuật; Sư phạm Tiếng Bana; Sư phạm Tiếng Êđê; Sư phạm Tiếng Jrai; Sư phạm Tiếng Khmer; Sư phạm Tiếng H'mong; Sư phạm Tiếng Chăm; Sư phạm Tiếng M'nông; Sư phạm Tiếng	**Nhóm 1:** 1. Tài chính tiền tệ. 2. Thị trường tài chính và các định chế tài chính. 3. Tài chính doanh nghiệp. 4. Quản trị ngân hàng thương mại. **Nhóm 2:** 1. Tài chính tiền tệ. 2. Thị trường tài chính và các định chế tài chính. 3. Tài chính doanh nghiệp. 4. Quản trị ngân hàng thương mại. 5. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại. 6. Marketing ngân hàng.

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	Xêđăng; Sư phạm Tiếng Anh; Sư phạm Tiếng Nga; Sư phạm Tiếng Pháp; Sư phạm Tiếng Trung Quốc; Sư phạm Tiếng Đức; Sư phạm Tiếng Nhật; Sư phạm Tiếng Hàn Quốc; Sư phạm nghệ thuật; Sư phạm công nghệ; Sư phạm Khoa học tự nhiên; Giáo dục pháp luật; Sư phạm Lịch sử - Địa lý. - Lĩnh vực nhân văn gồm các chuyên ngành: Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Hán Nôm; Ngôn ngữ Jrai; Ngôn ngữ Khmer; Ngôn ngữ H'mong; Ngôn ngữ Chăm; Sáng tác văn học; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Đức; Ngôn ngữ Tây Ban Nha; Ngôn ngữ Bồ Đào Nha; Ngôn ngữ Italia; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ Hàn Quốc; Ngôn ngữ Ảrập; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Lịch sử; Ngôn ngữ học; Văn học; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Gia đình học. - Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi gồm các chuyên ngành: Kinh tế; Kinh tế Chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế số; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Quan hệ quốc tế; Xã hội học; Nhân học; Tâm lý học; Tâm lý giáo dục; Địa lý học; Quốc tế học; Châu Á học; Thái Bình Dương học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Đông Nam Á học, Việt Nam học.	
	- Lĩnh vực báo chí và thông tin gồm các chuyên ngành: Báo chí; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Công nghệ truyền thông; Truyền thông quốc tế; Quan hệ công chúng; Thông tin – Thư viện; Quản lý thông tin; Lưu trữ học; Bảo tàng học; Xuất bản; Kinh doanh xuất bản phẩm.	

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	- Lĩnh vực Pháp luật bao gồm các chuyên ngành: Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật dân sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế. - Lĩnh vực Khoa học sự sống gồm các chuyên ngành: Sinh học; Công nghệ sinh học; Kỹ thuật sinh học; Sinh học ứng dụng. - Lĩnh vực Khoa học tự nhiên gồm các chuyên ngành: Thiên văn học; Vật lý học; Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Cơ học; Hóa học; Khoa học vật liệu; Địa chất học; Bản đồ học; Địa lý tự nhiên; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Khoa học môi trường. - Lĩnh vực toán và thống kê gồm các chuyên ngành: Toán học; Khoa học tính toán; Khoa học dữ liệu; Toán ứng dụng; Toán cơ; Toán tin; Thống kê. - Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin gồm các chuyên ngành: Khoa học máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin. - Lĩnh vực công nghệ kỹ thuật gồm các chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật kiến trúc; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ chế tạo máy; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật nhiệt; Công nghệ kỹ thuật tàu thủy; Bảo dưỡng công nghiệp; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Công nghệ vật liệu; Công nghệ kỹ thuật môi	

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	trường; Công nghệ kỹ thuật hạt nhân; Quản lý công nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Công nghệ dầu khí và khai thác dầu; Công nghệ kỹ thuật in. - Lĩnh vực Kỹ thuật gồm các chuyên ngành: Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật nhiệt; Kỹ thuật cơ khí động lực; Kỹ thuật công nghiệp; Kỹ thuật hệ thống công nghiệp; Kỹ thuật hàng không; Kỹ thuật không gian; Kỹ thuật tàu thủy; Kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật in; Kỹ thuật hàng hải; Kỹ thuật điện; Kỹ thuật rađa – dẫn đường; Kỹ thuật thủy âm; Kỹ thuật biển; Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật vật liệu kim loại; Kỹ thuật dệt; Kỹ thuật môi trường; Vật lý kỹ thuật; Kỹ thuật hạt nhân; Kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật vật lý; Kỹ thuật trắc địa – bản đồ; Kỹ thuật mỏ; Kỹ thuật thăm dò và khảo sát; Kỹ thuật dầu khí; Kỹ thuật tuyển khoáng. - Lĩnh vực sản xuất và chế biến gồm các chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật thực phẩm; Công nghệ sau thu hoạch; Công nghệ chế biến thủy sản; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; Công nghệ sợi, dệt; Công nghệ vật liệu dệt, may; Công nghệ dệt, may; Công nghệ da giày; Công nghệ chế biến lâm sản. - Lĩnh vực Kiến trúc và quy hoạch gồm các chuyên ngành: Kiến trúc; Kiến trúc cảnh quan; Kiến trúc nội thất; Kiến trúc đô thị; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Thiết kế nội thất; Thiết kế nội thất; Bảo tồn di sản kiến trúc - Đô thị; Đô thị học; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Địa kỹ thuật xây	

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	dựng; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp thoát nước; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng. - Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản gồm các chuyên ngành: Nông nghiệp, khuyến nông; Khoa học đất; Chăn nuôi; Nông học; Khoa học cây trồng; Bảo vệ thực vật; Công nghệ rau quả và cảnh quan; Kinh doanh nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn; Lâm học; Lâm nghiệp đô thị; Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng; Nuôi trồng thủy sản; Bệnh học thủy sản; Khoa học thủy sản; Khai thác thủy sản; Quản lý thủy sản. - Lĩnh vực Thú y gồm chuyên ngành Thú y. - Lĩnh vực Sức khỏe gồm: Y khoa; Y học dự phòng; Y học cổ truyền; Dược học; Hóa dược; Điều dưỡng; Hộ sinh; Dinh dưỡng; Răng – Hàm – Mặt; Kỹ thuật phục hình răng; Kỹ thuật xét nghiệm y học; Kỹ thuật hình ảnh y học; Kỹ thuật Phục hồi chức năng; Y tế công cộng; Tổ chức và quản lý y tế; Quản lý bệnh viện; Y sinh học thể dục thể thao. - Lĩnh vực Dịch vụ xã hội gồm các chuyên ngành: Công tác xã hội; Công tác thanh thiếu niên; Hỗ trợ giáo dục và người khuyết tật. - Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân gồm các chuyên ngành: Du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Quản lý thể dục thể thao; Huấn luyện thể thao; Kinh tế gia đình. - Lĩnh vực Dịch vụ vận tải gồm các chuyên ngành: Khai thác vận tải; Quản lý hoạt động bay; Kinh tế vận tải; Khoa học hàng hải. - Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường gồm các chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản	

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	lý đất đai; Bảo hộ lao động. Và chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên.	

10. Thạc sĩ ngành Luật kinh tế

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
Luật; Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Luật Dân sự và Tố tụng dân sự; Luật Hình sự và Tố tụng hình sự; Luật Kinh tế; Luật Quốc tế	**Nhóm 1:** - Những chuyên ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và quản lý gồm: Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án. - Những chuyên ngành thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi gồm: Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế số; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Quan hệ quốc tế; Xã hội học, Nhân học; Tâm lý học; Tâm lý học giáo dục. Và những chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên. **Nhóm 2:** - Nhóm ngành Báo chí và Truyền thông gồm: Báo chí; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Công nghệ truyền thông; Truyền thông Quốc tế; Quan hệ công chúng. - Nhóm ngành Công nghệ thông tin gồm: Công nghệ thông tin; An toàn thông tin. - Nhóm ngành Kiến trúc và quy hoạch gồm: Kiến trúc; Kiến trúc cảnh quan; Kiến trúc nội thất; Kiến trúc đô	**Nhóm 1:** 1. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật. 2. Pháp luật về chủ thể kinh doanh. 3. Pháp luật về thương mại hàng hóa dịch vụ. 4. Pháp luật quốc tế. **Nhóm 2:** 1. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật. 2. Pháp luật về chủ thể kinh doanh. 3. Pháp luật về thương mại hàng hóa dịch vụ. 4. Pháp luật quốc tế. 5. Những quy định chung về luật dân sự. 6. Luật Đất đai.

Ngành đào tạo trình độ đại học phù hợp *(Không học bổ sung kiến thức)*	Ngành đào tạo trình độ đại học phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức *(03 tín chỉ/học phần)*
	thị; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Thiết kế nội thất; Bảo tồn di sản kiến trúc – Đô thị; Đô thị học. - Nhóm ngành Xây dựng gồm: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Địa kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp thoát nước; Công trình và cảng biển. - Nhóm ngành Quản lý xây dựng gồm: Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng. - Nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài gồm: Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Trung quốc; Ngôn ngữ Đức; Ngôn ngữ Tây Ban Nha; Ngôn ngữ Bồ Đào Nha; Ngôn ngữ Italia; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ Hàn quốc; Ngôn ngữ Ảrập - Nhóm Y học gồm: Y khoa, Y học dự phòng, Y học cổ truyền. - Nhóm ngành Quản lý y tế gồm: Tổ chức và quản lý y tế; Quản lý bệnh viện. - Nhóm ngành Du lịch gồm: Du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. - Nhóm ngành Khách sạn, nhà hàng gồm: Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống. Và những chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên.	

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 3

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Đính kèm Thông báo số /TB-ĐHTDM ngày tháng năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Danh mục chứng chỉ Ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên (Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGD&ĐT ngày 30/8/2021)

STT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 – 45	46 – 93
		TOEFL iBT	450 – 499	
		IELTS	4.0 – 5.0	5.5 – 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm : 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm : 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe : 275-399 Đọc : 275-384 Nói : 120-159 Viết : 120-149	Nghe : 400-489 Đọc : 385-454 Nói : 160-179 Viết : 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF : 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF : 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe – Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ – Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

2. Danh mục các Trường đại học được phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Tính đến ngày 30/08/2022, tại Thông báo 1226/TB-QLCL ngày 30/8/2022 của Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Trường Đại học Sư phạm Tp Chí Minh	14. Trường Đại học Văn Lang
2. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	15. Trường Đại học Quy Nhơn
3. Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội	16. Trường Đại học Tây Nguyên
4. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	17. Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
5. Đại học Thái Nguyên	18. Học viện Báo chí và Tuyên truyền
6. Trường Đại học Cần Thơ	19. Trường ĐH Công nghiệp thực phẩm TP.HCM
7. Trường Đại học Hà Nội	20. Học viện Khoa học quân sự
8. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	21. Trường Đại học Thương mại
9. Trường Đại học Vinh	22. Học viện Cảnh sát nhân dân
10. Học viện An ninh nhân dân	23. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
11. Trường Đại học Sài Gòn	24. Trường Đại học kinh tế- Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
12. Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	25. Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
13. Trường Đại học Trà Vinh	Và các trường Đại học khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 dùng cho Việt Nam (Tính đến thời điểm nhận hồ sơ)

3. Miễn thi ngoại ngữ theo điểm b, khoản 3, Điều 5, Thông tư số 23/2021 của BGD&ĐT

Bằng đại học chính quy TDMU; Bằng đại học liên thông TDMU trong thời hạn 2 năm; và Người học đủ điều kiện tốt nghiệp TDMU thuộc 2 loại hình trên của TDMU (Có giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và đáp ứng ngoại ngữ chuẩn đầu ra Bậc 3/6).

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 4

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Đính kèm Thông báo số 96 /TB-ĐHTDM ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Phiếu đăng ký dự thi;
2. Lý lịch khoa học (xác nhận của cơ quan/địa phương);
3. 02 bản sao bằng đại học/Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (công chứng);
4. 02 bảng điểm đại học (công chứng);
5. Phiếu khám sức khỏe (trong thời hạn 06 tháng);
6. Giấy giới thiệu của cơ quan hoặc bản sao hợp đồng làm việc (nếu có);
7. Chứng chỉ ngoại ngữ/bằng cử nhân ngoại ngữ công chứng (nếu có);
8. Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục khảo thí và Kiểm định Chất lượng giáo dục đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (công chứng);
9. 03 ảnh 3x4 (ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh vào mặt sau ảnh);
10. 02 giấy CCCD (công chứng)

Hồ sơ đăng ký dự tuyển nộp tại: Trung tâm Tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 06 đường Trần Văn Ơn, Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương. Điện thoại: (0274) 3835.677 – (0274) 3 844 340 – (0274) 3844 341

Ghi chú: Ứng viên thực hiện

- Nộp hồ sơ bản giấy tại Trung tâm Tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một theo địa chỉ trên;

- Thực hiện kê khai thông tin thông qua quét mã QR code.

Mã QR code:

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 5

KẾ HOẠCH CHI TIẾT TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Đính kèm Thông báo số 96 /TB - ĐHTDM ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	Nội dung	Khung thời gian dự kiến
01	**Nhận hồ sơ tuyển sinh**	- Hồ sơ đối với thí sinh phải học bổ sung kiến thức, thi ngoại ngữ đầu vào trước **08/7/2023 (Đối tượng 1).**
		- Hồ sơ đối với thí sinh không bổ sung kiến thức, phải thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào trước ngày **16/9/2023 (Đối tượng 2).**
		- Hồ sơ đối với thí sinh không bổ sung kiến thức, được miễn thi ngoại ngữ đầu vào trước **20/10/2023 (Đối tượng 3).**
02	**Bổ sung kiến thức**[6]	**Từ ngày 08/7/2023 đến 09/9/2023**
03	Ôn ngoại ngữ đầu vào	Từ ngày 16/9 đến 15/10/2023
04	Ôn thi chuyên ngành	Từ ngày 21/10 đến 29/10/2023
05	**Kết thúc nhận hồ sơ tuyển sinh**	**Ngày 20/10/2023**
06	Xét hồ sơ dự tuyển	Từ ngày 21/10 đến ngày 24/10/2023
07	**Quyết định thí sinh đủ điều kiện dự thi**	**Ngày 25/10/2023**
08	Báo cáo BGD&ĐT	Ngày 25/10/2023 về thời gian thi
09	Nhận giấy báo dự thi	Từ ngày 01/11 đến ngày 11/11/2023
10	**Tổ chức thi (Môn chuyên ngành và Ngoại ngữ)**	**Ngày 11 và 12/11/2023**
11	Thông báo kết quả	Ngày 20/11/2023
12	Quyết định trúng tuyển và nhận giấy báo nhập học	Ngày 30/11/2023
13	Khai giảng – Tổ chức học	**Ngày 09/12/2023**
14	Quyết định công nhận học viên	Ngày 25/12/2023

[6] Thời gian học bổ sung kiến thức và ôn tập được tổ chức linh hoạt vào các buổi tối và các ngày thứ bảy, chủ nhật hằng tuần. Hình thức học trực tiếp kết hợp trực tuyến. Thông tin chi tiết lịch bổ sung kiến thức và ôn tập cụ thể được công bố trên website saudaihoc.

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 6

HƯỚNG DẪN THỦ TỤC ĐÓNG TIỀN QUA TÀI KHOẢN

(Đính kèm Thông báo số 96/TB-ĐHTDM ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Mức thu học phí, lệ phí xét tuyển/thi tuyển Khóa 23 năm 2023 và hình thức nộp

**** Mức thu***

Học phí bổ sung kiến thức: 1.875.000 đồng/học phần; Học phí ôn thi: 1.250.000 đồng/môn; Lệ phí hồ sơ tuyển sinh: 100.000 đồng/hồ sơ; Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: 400.000 đồng/hồ sơ (xét điểm tích lũy bậc đại học và phỏng vấn năng lực chuyên môn)

**** Hình thức nộp***

Chuyển tiền vào tài khoản, đơn vị thụ hưởng: **Trường Đại học Thủ Dầu Một**- Số tài khoản: **65010000465078 tại ngân hàng BIDV, Chi nhánh Bình Dương.**

2. Cú pháp nộp tiền (Chú ý: Thí sinh đóng tiền qua Ngân hàng hoặc Kho bạc, giữ lại giấy nộp tiền do ngân hàng hoặc kho bạc cung cấp để làm minh chứng cho các thủ tục này)

- Nộp tiền bổ sung kiến thức như sau:

Mã nộp	Họ và tên	Số điện thoại	Số tiền[7]
BSK23	Nguyễn Văn A	.....	.....

- Nộp tiền ôn tập dự thi như sau:

Mã nộp	Họ và tên	Số điện thoại	Số tiền[8]
OTK23	Nguyễn Văn A	.....	.....

- Nộp tiền lệ phí xét tuyển/thi tuyển như sau:

Mã nộp	Họ và tên	Số điện thoại	Số tiền[9]
XTK23	Nguyễn Văn A	.....	.....

[7] Số tiền = (Số học phần học bổ túc kiến thức) × (1.875.000 đồng/học phần)

[8] Số tiền = (Số môn ôn tập) × (1.250.000 đồng/môn)

[9] Số tiền = 500.000đ nếu không đăng ký thi ngoại ngữ; 700.000đ nếu đăng ký thi ngoại ngữ.

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 7
ÔN VÀ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU VÀO TUYỂN SINH CAO HỌC
(Đính kèm Thông báo số 96/TB-ĐHTDM ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Đăng ký ôn tập và thi ngoại ngữ đầu vào:

- Thời gian đăng ký: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 15/9/2023.

- Cách thức đăng ký: Theo mẫu trong bộ Hồ sơ dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Hình thức nộp học phí, lệ phí: Chuyển khoản

+ Đối với học phí ôn tập (1.600.000 đồng):

Số tài khoản: **65010000637293** tại Ngân hàng BIDV CN Bình Dương

Tên chủ tài khoản: Trung tâm Ngoại ngữ

Nội dung nộp tiền: CH2023_Họ và tên_Số điện thoại của thí sinh

(Ví dụ: CH2023 Nguyen Van A 0909123456)

+ Đối với lệ phí thi (200.000 đồng): chuyển khoản chung với lệ phí tuyển sinh (xem Phụ lục 6)

2. Kế hoạch ôn tập và thi ngoại ngữ đầu vào:

Stt	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1	Đăng ký ôn tập và thi ngoại ngữ đầu vào	Từ ngày ra thông báo đến hết hết ngày 15/9/2023	
2	Ôn tập (70 tiết)	Từ 16/9/2023 đến 15/10/2023.	Ôn tập vào Thứ 7 và Chủ nhật hàng tuần (sáng và chiều)
3	Thi (4 kỹ năng: nghe, đọc, viết, nói)	Dự kiến 12/11/2023	Cả ngày Chủ nhật

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 8

HỌC PHÍ HỆ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

(Đính kèm Thông báo số 96/TB-ĐHTDM ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Mức thu học phí đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng năm học 2022 – 2023[10]

STT	Chuyên ngành	Mã ngành	Học phí
1	**Lịch sử Việt Nam**	8 22 90 13	27.000.000 đồng/năm học
2	**Văn học Việt Nam**	8 22 01 21	27.000.000 đồng/năm học
3	**Công tác xã hội**	8 76 01 01	27.000.000 đồng/năm học
4	**Ngôn ngữ Anh**	8 22 02 01	27.000.000 đồng/năm học
5	**Quản trị kinh doanh**	8 34 01 01	28.125.000 đồng/năm học
6	**Kế toán**	8 34 03 01	28.125.000 đồng/năm học
7	**Luật kinh tế**	8 38 01 07	28.125.000 đồng/năm học
8	**Tài chính ngân hàng**	8 34 02 01	28.125.000 đồng/năm học
9	**Hệ thống thông tin**	8 48 01 04	32.625.000 đồng/năm học
10	**Khoa học môi trường**	8 44 03 01	30.375.000 đồng/năm học

[10] - Theo Thông báo số 80/TB-ĐHTDM ngày 27/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một. Nhà trường thực hiện lộ trình tăng học phí theo quy định.

- Nhà trường không hoàn trả học phí và lệ phí khi học viên trúng tuyển đã đóng tiền theo quy định.